

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 19 (HKII) KHỐI 7

TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kỹ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU

Đọc kỹ sách giáo khoa trang 3,4,5 và thực hiện các yêu cầu

* **Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu khái niệm tục ngữ

* **Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật được thể hiện trong các câu tục ngữ 1, 2, 3, 5,8

* **Nhiệm vụ 3:** Luyện tập – Vận dụng

Sưu tầm một số câu tục ngữ có nội dung phản ánh về các hiện tượng thiên nhiên (mưa, bão, lụt)

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép cẩn thận vào vở!)

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Tiết 73: Văn bản

TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

I. Đọc - hiểu chú thích

1. Đọc

2. Chú thích

* **Khái niệm tục ngữ:** *sgk/3,4*

Tục ngữ là những câu nói dân gian thể hiện kinh nghiệm của nhân dân (tự nhiên, lao động sản xuất, xã hội) được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn tiếng nói hàng ngày. Đây là một thể loại văn học dân gian.

II. Đọc - hiểu văn bản.

Câu 1:

- Tháng năm (âm lịch) thời gian ban đêm ngắn, ban ngày dài; tháng mười (âm lịch) thời gian ban đêm dài, ban ngày ngắn

→ Nghệ thuật:

+ Nhịp 3/4, vần lưng (vần bằng: năm- năm, ...).

+ Phép đối (đối xứng và đối lập) đêm- ngày, tháng năm-tháng mười, chưa nằm-chưa cười, sáng-tối.

+ Phóng đại-cường điệu: nói quá chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối.

=> Chủ động sử dụng thời gian, sắp xếp công việc cho hợp lí.

Câu 2:

- Ngày nào đêm trước trời có nhiều sao thì hôm sau sẽ nắng; trời ít sao thì sẽ mưa.

→ Nghệ thuật: Kết cấu 2 vế đối xứng và đối lập nhau từng từ, từng vế. Nhịp 4/4, cấu trúc theo kiểu điều kiện – giả thiết-kết quả

=> Dự đoán nắng mưa dựa trên cơ sở xem sao trên trời để sắp xếp công việc cho ngày hôm sau.

Câu 3:

- Khi trời xuất hiện ráng - mây màu vàng như mỡ gà là sắp có bão

→ Nghệ thuật ẩn dụ (Ráng mỡ gà - màu vàng giống mỡ gà).

=> Dự đoán bão; chủ động phòng chống bão, giữ gìn nhà cửa, hoa màu, tài sản.

Câu 5:

- Đất đai rất quý giá, quý như vàng

→ Nghệ thuật: Phép so sánh

=> Đề cao giá trị của đất, cần khai thác, sử dụng đất hợp lí, không lãng phí đất.

Câu 8:

- Hai yếu tố quan trọng trong trồng trọt: thời vụ, đất đai

→ Nghệ thuật: phép đối

=> Khẳng định tầm quan trọng của thời vụ và đất đai nên trồng trọt phải đúng đúng thời vụ, đất đai phải làm kĩ

III. Ghi nhớ (sgk/5)

1. Nghệ thuật: Diễn đạt ngắn gọn, cô đúc; tạo vần, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng.

2. Nội dung: Ý nghĩa câu tục ngữ nói về kinh nghiệm của nhân dân ta trong việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên và lao động sản xuất.

(Phần C dưới này các em ghi và làm bài thật đầy đủ nhé!)

C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Yêu cầu: Học sinh sưu tầm một số câu tục ngữ

(Học sinh thực hiện)**Gợi ý:**

- Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa;
- Lúa chiêm lấp ló đầu bờ,
- Hễ nghe tiếng sấm phát cò mà lên
- Mống đông, vòng tây chẳng mưa dây cũng bão giạt.
- ...

D. DẶN DÒ

- Bài cũ: Nhớ khái niệm tục ngữ. Thuộc các câu tục ngữ, nêu được nội dung và nghệ thuật.
- Bài mới: Chuẩn bị bài “Chương trình địa phương” – theo hướng dẫn sgk.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG***(Phần Văn và Tập làm văn)***

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kỹ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Đọc kỹ sách giáo khoa trang 6 và thực hiện theo các yêu cầu trong sgk.

*** Nhiệm vụ 1: Nội dung thực hiện.**

(theo hướng dẫn sgk)

*** Nhiệm vụ 2: II. Phương pháp thực hiện**

(theo hướng dẫn sgk)

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép cẩn thận vào vở)

B. NỘI DUNG BÀI HỌC**Tiết 74: Văn và Tập làm văn****CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG*****(Phần Văn và Tập làm văn)***

I. Nội dung thực hiện.

1. Sưu tầm những câu ca dao, dân ca, tục ngữ lưu hành ở địa phương mình (mang, tên riêng địa phương, nói về sản vật, di tích, thắng cảnh, danh nhân, sự tích, từ ngữ địa phương, ...)
2. Số lượng ít nhất ghi được 20 câu.

II. Phương pháp thực hiện

1. Cách sưu tầm.
 - Hỏi người địa phương
 - Chép từ sách báo, đài, ti vi, mạng, ...
 - Tìm sách ca dao, tục ngữ viết về địa phương.
2. Sắp xếp ca dao riêng, tục ngữ riêng theo trật tự ABC.
3. Tổng hợp kết quả sưu tầm theo nhóm tổ.
4. Trình bày kết quả sưu tầm.
5. Nhận xét, rút kinh nghiệm

*** Lưu ý: Phần II. 1, 2, 3 thực hiện đến tuần 29.**

Phần II. 4, 5. Nhóm – tổ thống nhất và nộp bài vào tuần 30.

(Phần C dưới này các em ghi và làm bài thật đầy đủ nhé!)

C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Đọc thuộc lòng các bài ca dao – dân ca chương trình học kì 1 – văn 7)
2. Trong các bài ca dao mà em đã học, em ấn tượng nhất là bài nào? Nêu cảm nhận của em về câu ca dao đó.

D. DẶN DÒ

- Bài cũ: Chuẩn bị theo yêu cầu đã ghi trong phần II.
- Soạn bài: Tìm hiểu chung về văn nghị luận – theo hướng dẫn sgk (đọc sách, trả lời các câu hỏi).

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN

(Phần A ở phía dưới các em hãy đọc chậm, đọc kĩ để biết nội dung mình cần tìm hiểu trong bài học này, không cần ghi nhé!)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 7, 8, 9, 10, 11 và thực hiện theo các yêu cầu trong sgk.

*** Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu bài (Nhu cầu nghị luận và văn bản nghị luận)

- Đọc và trả lời các câu hỏi ở phần 1 – nhu cầu nghị luận.
- Đọc đoạn trích “Chống nạn thất học”
- Trả lời các câu hỏi a, b, c, sgk/9.

*** Nhiệm vụ 2:** Luyện tập

- Làm các bài tập 1, 2, 3, 4 sgk/ 10, 11.

(Phần B phía dưới các em hãy ghi chép cẩn thận vào vở)

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Tiết 76, 77: Tập làm văn

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN

I. Tìm hiểu bài: Nhu cầu nghị luận và văn bản nghị luận

1. Nhu cầu nghị luận

*** Ví dụ: Sgk/7**

- ...
- Trẻ em hút thuốc lá là tốt hay xấu, lợi hay hại?

Nhận xét:

a. Gặp các vấn đề và câu hỏi loại này không thể sử dụng kiểu văn bản miêu tả, tự sự hay biểu cảm, mà cần dùng kiểu văn nghị luận vì văn nghị luận là một phương thức biểu đạt chính với các lí lẽ chặt chẽ, thuyết phục và có thể giải quyết thoả đáng vấn đề đặt ra

(Vấn đề cần giải quyết: thuyết phục mọi người không nên hút thuốc lá hoặc hạn chế hút thuốc lá. → Dùng lý lẽ, dẫn chứng để minh họa, thuyết phục người đọc, người nghe hiểu về tác hại của thuốc lá)

b. Để trả lời các câu hỏi như trên, hằng ngày qua báo chí, đài phát thanh, truyền hình ta thấy thường gặp những kiểu văn bản nghị luận dưới dạng các ý kiến như lời phát biểu, nêu ý kiến một bài xã hội, bình luận về một vấn đề của đời sống.

2. Thế nào là văn bản nghị luận?

*** Ví dụ văn bản: Chống nạn thất học**

Nhân xét:

a.

- Bác Hồ viết bài này nhằm mục đích: vạch rõ tình trạng dân trí chung của xã hội ta từ đó đề cập đến việc cần thiết phải học tập, kêu gọi mọi người cùng học tập.

- Bài viết nêu ra những ý kiến:

- + Trong thời kì Pháp cai trị mọi người bị thất học để chúng dễ cai trị
- + Chỉ cho mọi người biết ích lợi của việc học.
- + Kêu gọi mọi người học chữ (chú ý các đối tượng).

- Diễn đạt thành những luận điểm:

- + Tình trạng thất học, lạc hậu trước Cách mạng tháng Tám.
- + Những điều kiện cần phải có để người dân tham gia xây dựng nước nhà.
- + Những khả năng thực tế trong việc chống nạn thất học.

- Các câu văn mang luận điểm chính của bài văn:

- + "Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí"
- + "Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ."

b. Để tạo sức thuyết phục cho bài viết, người viết đã triển khai những luận điểm chính với các lí lẽ chặt chẽ:

- Trước Cách mạng tháng Tám, dưới ách đô hộ của thực dân, nhân dân ta phải chịu cảnh thất học, mù chữ;
- Nay đã dành được độc lập; để xây dựng đất nước thì không thể không học, mọi người phải biết đọc, biết viết;
- Biến việc học thành việc làm rộng khắp, với các hình thức cụ thể có thể áp dụng mọi lúc, mọi nơi.

c. Tác giả không thể thực hiện mục đích của mình bằng văn kể chuyện, miêu tả, biểu cảm được. Sức thuyết phục chỉ có thể được tạo nên bằng hệ thống các luận điểm, trình bày với lí lẽ lôgic, chặt chẽ. Nhiệm vụ giải quyết vấn đề đặt ra đòi hỏi phải sử dụng nghị luận.

- Luận điểm:

- + “Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí”.
- + “Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi, bổn phận của mình... biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”.

- Lý lẽ:

- + Tình trạng thất học, lạc hậu trước Cách mạng tháng 8
 - + Những điều kiện để người dân tham gia xây dựng nước nhà.
 - + Những điều kiện thuận lợi cho việc học chữ quốc ngữ.
- Dẫn chứng:** 95% dân số Việt Nam thất học nghĩa là hầu hết người Việt Nam mù chữ
- ⇒ Tư tưởng, quan điểm: bằng mọi cách phải chống lại nạn thất học để xây dựng nước nhà, giúp đất nước phát triển, tiến bộ.**
- ⇒ Lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục.**

II. Ghi nhớ (SGK/9)

(Phần C dưới đây các em ghi và làm bài thật đầy đủ nhé!)

C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Yêu cầu: Học sinh làm bài 1, 2, 3, 4 sgk

Gợi ý:

Câu 1:

- a. Văn bản đã cho là một văn bản nghị luận. Tác giả bàn đến vấn đề tập thói quen tốt, loại bỏ những thói quen xấu trong đời sống hàng ngày.
- b. Tác giả đề xuất ý kiến: "Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội"
- Các câu văn thể hiện ý kiến trên là:
- + Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa.
 - + Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ. Cho nên mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội.
- Các lí lẽ và dẫn chứng:

- + Trong cuộc sống, có thói quen tốt (dẫn chứng: dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách...) và có thói quen xấu;
- + Cái gì đó mà thành thói quen thì rất khó sửa;
- + Thói quen xấu sẽ gây hại đến cộng đồng, tác động tiêu cực đến môi trường sống; (Dẫn chứng: Hút thuốc lá, hay câu giận, mất trật tự; vứt rác bừa bãi, ...)
- + Hãy tự xem lại mình để loại bỏ thói quen xấu, tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội.

c. Vấn đề mà bài viết trên bàn bạc có đúng với thực tế của đời sống. Vấn đề rất có ý nghĩa đối với mọi người, đối với xã hội nhằm xây dựng một xã hội văn minh, lịch sự, có văn hoá.

Câu 2: Bố cục của bài văn gồm 3 phần:

- Mở bài: Đoạn 1 - Nêu vấn đề thói quen và thói quen tốt.
- Thân bài: Đoạn 2, 3, 4 - Tác hại của thói quen xấu và việc cần thiết phải loại bỏ thói quen xấu).
- Kết bài: Đoạn cuối - Kêu gọi mọi người loại bỏ thói quen xấu, tự điều chỉnh mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội.

Câu 3: Sưu tầm hai đoạn văn nghị luận và chép vào vở.

Câu 4:

Mặc dù có sử dụng tự sự nhưng văn bản trên vẫn là một văn bản nghị luận. Kể chuyện "Hai biển hồ" là để luận bàn về hai cách sống: cách sống chỉ biết giữ cho riêng mình và cách sống biết sẻ chia cùng mọi người. Hình ảnh hai biển hồ mang ý nghĩa tượng trưng cho hai cách sống đối lập nhau ấy.

D. DẶN DÒ

- Bài cũ: Nắm được nội dung bài học.
- Soạn bài: Tục ngữ về con người và xã hội – theo hướng dẫn sgk (đọc sách, trả lời các câu hỏi).

***** Chúc các em học tốt! *****